

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày: 31 tháng 12 năm 2022
Chưa hợp nhất

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,754,425,977,259	2,937,403,927,082
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23,656,927,726	5,398,083,667
1. Tiền	111		22,856,927,726	5,398,083,667
2. Các khoản tương đương tiền	112		800,000,000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		311,350,000,000	631,630,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	311,350,000,000	631,630,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		571,499,953,710	1,007,491,432,652
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	579,958,223,908	983,690,698,764
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9,042,241,325	18,441,590,029
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	3,100,000,000	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	12,527,106,959	19,962,736,231
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(35,825,498,008)	(14,603,592,372)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	2,697,879,526	
IV. Hàng tồn kho	140		1,776,125,276,090	1,252,633,286,089
1. Hàng tồn kho	141	V.9	1,784,819,853,659	1,256,216,327,392
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.9	(8,694,577,569)	(3,583,041,303)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		71,793,819,733	40,251,124,674
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	11,433,226,721	7,627,022,410
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		60,360,593,012	32,624,102,264
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		1,912,652,771,966	1,299,721,053,432
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5,366,684,440	4,054,230,352
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	678,082,652	150,000,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4,688,601,788	3,904,230,352
II. Tài sản cố định	220		486,115,152,602	443,748,373,619
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	75,761,752,651	117,085,258,024
- Nguyên giá	222		492,531,906,874	647,594,647,314
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(416,770,154,223)	(530,509,389,290)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	58,114,354,931	82,425,296,714
- Nguyên giá	225		71,003,400,018	102,574,607,046
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(12,889,045,087)	(20,149,310,332)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	352,239,045,020	244,237,818,881
- Nguyên giá	228		375,640,450,157	263,021,971,486
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(23,401,405,137)	(18,784,152,605)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		293,520,953,506	160,367,553,448
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	293,520,953,506	160,367,553,448
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1,089,236,735,295	656,309,415,321
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	976,286,775,677	645,000,000,000



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	69,240,000,000	23,240,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	20,304,000,000	20,304,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2b	(13,594,040,382)	(32,234,584,679)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	37,000,000,000	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		38,413,246,123	35,241,480,692
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	38,413,246,123	35,241,480,692
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4,667,078,749,225	4,237,124,980,514
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,020,422,967,374	2,060,736,445,464
I. Nợ ngắn hạn	310		1,988,117,487,816	2,031,794,656,050
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.15	184,515,997,519	243,485,277,694
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	14,638,801,078	41,954,286,433
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	82,234,567,748	13,619,661,216
4. Phải trả người lao động	314	V.18	26,543,600,991	24,500,298,916
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	33,263,855,261	6,194,175,811
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			139,321,513
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	141,159,263,832	168,519,420,919
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1,505,583,164,409	1,533,035,976,570
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.22	178,236,978	346,236,978
II. Nợ dài hạn	330		32,305,479,558	28,941,789,414
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	32,305,479,558	28,941,789,414
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	V.23	2,646,655,781,851	2,176,388,535,050
I. Vốn chủ sở hữu	410		2,646,655,781,851	2,176,388,535,050
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	411		1,275,396,250,000	1,275,396,250,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,275,396,250,000	1,275,396,250,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21,489,209,100	21,489,209,100
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(27,587,629,848)	(27,587,629,848)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1,377,357,952,599	907,090,705,798
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		779,962,830,798	907,090,705,798
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		597,395,121,801	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4,667,078,749,225	4,237,124,980,514

Người lập biểu



Cao Thị Kim Thơ

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Thu Diễm

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Cảnh

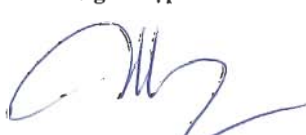
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV/2022
Chưa hợp nhất

Đơn vị tính : Đồng

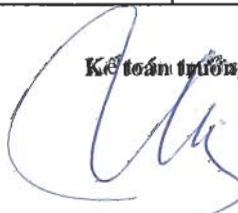
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2022		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,208,700,575,191	1,273,346,610,470	5,513,217,486,901	4,263,488,498,258
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	16,763,595,152	1,424,090,819	36,079,409,300	9,357,648,640
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1,191,936,980,039	1,271,922,519,651	5,477,138,077,601	4,254,130,849,618
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,040,584,246,733	1,105,667,904,801	4,575,470,897,224	3,863,194,751,906
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		151,352,733,306	166,254,614,850	901,667,180,377	390,936,097,712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	170,583,048,695	13,915,055,456	304,085,111,216	164,596,901,067
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	59,797,390,961	44,340,414,962	136,243,035,788	88,875,501,408
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		25,691,180,128	23,991,348,984	75,189,125,202	69,116,476,639
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	62,118,076,771	78,167,026,280	333,233,715,039	252,324,942,538
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	11,756,908,868	18,275,886,088	71,532,677,771	35,958,894,999
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		188,263,405,401	39,386,342,976	664,742,862,995	178,373,659,834
11. Thu nhập khác	31	VI.8	12,219,437,050	1,828,022,991	15,467,177,559	8,764,709,061
12. Chi phí khác	32	VI.9	23,415,273	118,062,000	709,943,596	304,052,279
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		12,196,021,777	1,709,960,991	14,757,233,963	8,460,656,782
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		200,459,427,178	41,096,303,967	679,500,096,958	186,834,316,616
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.17	11,252,272,957	11,082,622,744	82,104,975,157	16,667,366,448
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		189,207,154,221	30,013,681,223	597,395,121,801	170,166,950,168
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71				-	-

Người lập biểu



Cao Thị Kim Thơ

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Thu Diễm

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2023



Tổng Giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Cảnh

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Áp dụng theo phương pháp trực tiếp)
Quý IV/2022
(Chưa hợp nhất)

Đơn vị tính : Đồng

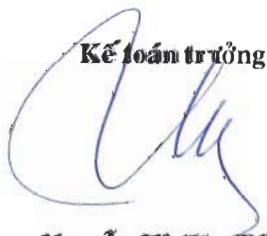
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4,686,564,463,703	3,750,874,760,151
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4,258,174,695,285)	(3,487,163,907,629)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(234,227,181,993)	(191,120,102,872)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(50,047,561,201)	(66,475,903,283)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(11,066,069,362)	(30,065,102,988)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		60,448,553,766	65,580,740,967
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(84,346,735,274)	(54,185,513,170)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		109,150,774,354	(12,555,028,824)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(224,656,239,145)	(97,457,250,428)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5,291,448,866	19,115,794,546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,099,180,000,000)	(1,061,914,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,376,076,559,279	754,640,899,045
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(181,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	125,440,890,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		266,390,766,592	147,551,808,917
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		142,922,535,592	(112,621,857,920)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		4,281,197,439,642	3,901,687,771,343
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4,348,932,413,563)	(3,705,530,175,900)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(15,414,416,948)	(17,728,754,572)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(149,046,818,740)	(62,974,258,450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(232,196,209,609)	115,454,582,421
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		19,877,100,337	(9,722,304,323)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	5,398,083,667	15,662,317,191
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1,618,256,278)	(541,929,201)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	23,656,927,726	5,398,083,667

Người lập



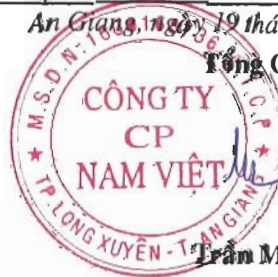
Cao Thị Kim Thơ

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Thu Diễm

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2023



Tổng Giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Cảnh

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022 (Chưa hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng mặt trời; Xây dựng công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản Nam Việt	Lô A4, KCN Thốt Nốt, P. Thới Thuận, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên doanh

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất Collagen, Gelatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50%, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Công ty có đơn vị trực thuộc là Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, địa chỉ tại Lô A4 Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 18

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị thuê tài chính là 05 - 16 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	178.644.736	220.617.204
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.978.282.990	5.177.466.463
Tiền đang chuyển	700.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	800.000.000	-
Cộng	<u>23.656.927.726</u>	<u>5.398.083.667</u>

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam (xem thuyết minh V.21)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	311.350.000.000	311.350.000.000	631.630.000.000	631.630.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	311.350.000.000	311.350.000.000	631.630.000.000	631.630.000.000
Dài hạn	37.000.000.000	37.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	37.000.000.000	37.000.000.000	-	-
Cộng	348.350.000.000	348.350.000.000	631.630.000.000	631.630.000.000

Khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 345.350.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam, Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (xem thuyết minh V.21), đồng thời được dùng để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV NTTTS Nam Việt Bình Phú thực hiện hợp đồng với Điện Lực Châu Phú

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	976.286.775.677	(203.363.319)	645.000.000.000	(18.880.409.195)
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương ⁽ⁱ⁾	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú ⁽ⁱⁱ⁾	540.000.000.000	-	540.000.000.000	(18.813.453.375)
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar ⁽ⁱⁱⁱ⁾	180.000.000.000	-	54.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar ^(iv)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar ^(v)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt ^(vi)	5.000.000.000	(141.626.647)	5.000.000.000	(66.955.820)
Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Nam Việt ^(vii)	9.000.000.000	(61.736.672)	-	-
Công ty TNHH MTV CBTATS Nam Việt ^(viii)	196.286.775.677	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	69.240.000.000	(238.548.700)	23.240.000.000	(183.980.054)
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt ^(ix)	69.240.000.000	(238.548.700)	23.240.000.000	(183.980.054)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.304.000.000	(13.152.128.363)	20.304.000.000	(13.170.195.430)
Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(13.152.128.363)	20.304.000.000	(13.170.195.430)
Cộng	1.065.830.775.677	(13.594.040.382)	688.544.000.000	(32.234.584.679)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5704000012 đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 30 tháng 08 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602085059 ngày 07 tháng 11 năm 2018 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 13 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú 540.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602123547 ngày 15 tháng 05 năm 2020 đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 29 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar 180.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125914 ngày 20 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125939 ngày 22 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602127710 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602157296 ngày 09 tháng 03 năm 2022 thay đổi lần thứ 01 ngày 04 tháng 07 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Nam Việt 9.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801723877 ngày 13 tháng 05 năm 2022 thay đổi lần thứ 01 ngày 02 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản Nam Việt 200.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH MTV CBTATS Nam Việt 196.286.775.677 VND, tương đương 98,14% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào công ty này là 3.713.224.323 VND
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801666883 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt 69.240.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh

Ngoài Công ty TNHH MTV Phân Bón Hữu Cơ Nam Việt (công ty con) và Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Nam Việt (công ty con) chưa đi vào hoạt động, các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường

Công ty TNHH Amicogen Nam Việt đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản và thử nghiệm sản phẩm

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	32.234.584.679	30.346.705.108
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng bổ sung	(18.640.544.297)	9.303.879.571
Xóa số dự phòng do thanh lý, chuyển nhượng đầu tư	-	(7.416.000.000)
Số cuối kỳ	13.594.040.382	32.234.584.679

Giao dịch với các công ty con, công ty liên doanh

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	862.861.659.456	524.823.672.220
Bán nguyên vật liệu	285.478.598	13.394.930
Bán điện mặt trời	1.772.453.473	1.789.305.012
Chi phí gia công	438.838.450.720	364.441.672.885
Mua vật tư, nguyên liệu	324.934.409.551	165.317.850.455
Thuê tài sản hoạt động	4.825.000.000	11.580.000.000
Lợi nhuận được chia	162.500.000.000	125.000.000.000
Chi hộ	-	15.454.125
Thu hộ	4.219.355.357	-
Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt Bình Phú		
Bán nguyên liệu	762.943.886	593.681.445
Bán thành phẩm	259.906.429.050	782.925.839.276
Lãi cho vay	-	398.765.193
Mua nguyên vật liệu	1.250.063.100.943	1.079.466.510.995
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar		
Góp vốn	126.000.000.000	-
Doanh thu cho thuê	78.000.000	45.500.000
Bán vật tư, nguyên vật liệu	581.574	8.470.162
Mua điện	10.284.033.298	11.632.932.244
Mua vật tư, nguyên liệu	212.568.909	408.039.475
Lợi nhuận được chia	67.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar		
Doanh thu cho thuê	78.000.000	45.500.000
Mua điện	43.445.234	74.738.390
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar		
Doanh thu cho thuê	78.000.000	45.500.000
Bán nguyên vật liệu	15.261.224	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Phân Bón Hữu Cơ Nam Việt		
Bán nguyên vật liệu	2.577.003	-
Mua vật tư, nguyên liệu	121.064.662	-
Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Nam Việt		
Góp vốn	9.000.000.000	-
Đi vay	8.700.000.000	-
Lãi vay	357.057.537	-
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản Nam Việt		
Góp vốn	196.286.775.677	-
Bán thành phẩm	153.768.400.000	-
Bán điện mặt trời	9.974.216	-
Doanh thu cho thuê	6.427.050.000	-
Bán nguyên vật liệu	135.196.876.807	-
Tiền điện	636.868.400	-
Mua thức ăn	1.031.119.168.500	-
Mua vật tư, nguyên liệu	17.213.026.565	-
Chi hộ	3.649.028.939	-
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt		
Góp vốn	46.000.000.000	-
Doanh thu bán công trình	56.436.339.172	2.123.375.678
Doanh thu cho thuê	374.666.667	46.900.000
Doanh thu bán thành phẩm	637.900.000	-
Doanh thu khác	375.000	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	229.235.652.450	675.372.590.065
Công ty TNHH MTV NTTTS Nam Việt Bình Phú	106.552.444.560	675.372.590.065
Công ty TNHH MTV CBTATS Nam Việt	117.626.117.694	-
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	5.057.090.196	-
Phải thu các khách hàng khác	350.722.571.458	308.318.108.699
Các khách hàng nước ngoài	345.511.556.750	277.569.382.799
Các khách hàng trong nước	5.211.014.708	30.748.725.900
Cộng	579.958.223.908	983.690.698.764
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	12.703.810.162
Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	12.703.810.162
Trả trước cho các người bán khác	9.042.241.325	5.737.779.867
Các nhà cung cấp nước ngoài	-	457.690.850
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	3.515.518.706	1.664.053.500
Các nhà cung cấp trong nước khác	5.526.722.619	3.616.035.517
Cộng	9.042.241.325	18.441.590.029

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho Ông Lê Văn Bi vay	300.000.000	-
Cho Ông Lê Văn Biết vay	500.000.000	-
Cho Ông Trương Hồng Tư vay	1.000.000.000	-
Cho Ông Nguyễn Văn Thắng	300.000.000	-
Cho Bà Nguyễn Thị Minh Thành	1.000.000.000	-
Cộng	3.100.000.000	-

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Ông Nguyễn Văn Thóc vay

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	314.818.200	-	300.000.000	-
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt – ký quỹ	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty TNHH MTV CBTATS Nam Việt – Chi hộ	14.818.200	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	12.212.288.759	(670.569.601)	19.662.736.231	(480.505.815)
Tạm ứng	3.061.373.619	(670.569.601)	8.736.729.572	(480.505.815)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.686.424.768	-	8.257.966.473	-
Tiền lãi cho vay	169.043.729	-	710.137	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	500.000	-	32.780.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.294.946.643	-	2.634.550.049	-
Cộng	12.527.106.959	(670.569.601)	19.962.736.231	(480.505.815)

6b. Phải thu dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Phải thu tiền bán hàng	62.812.994.482	27.658.066.075	29.941.127.082	15.818.040.525
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	22.329.400.000
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	55.201.267.400	27.600.633.700	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	191.441.250
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	191.441.250	57.432.375	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	305.799.667
Quá hạn trên 03 năm	7.420.285.832	-	Quá hạn trên 03 năm	7.114.486.165
Phải thu khác	958.734.550	288.164.949	961.011.630	480.505.815
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	2.722.920	1.361.460	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	961.011.630
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	956.011.630	286.803.489		
Cộng	63.771.729.032	27.946.231.024	30.902.138.712	16.298.546.340

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	14.603.592.372	14.677.464.881
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng bổ sung	21.221.905.636	(73.872.509)
Số cuối kỳ	<u>35.825.498.008</u>	<u>14.603.592.372</u>

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của vùng nuôi Nam Việt do ảnh hưởng của sạt lở đất đang chờ xử lý

9. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	3.634.500.000	-	-	-
Hàng hóa	1.077.445.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	248.499.787.451	-	169.044.316.404	-
Công cụ, dụng cụ	1.714.848.469	-	4.607.743.063	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	622.279.200.333	-	596.739.831.296	-
Thành phẩm	907.614.072.406	(8.694.577.569)	424.416.990.535	(3.583.041.303)
Hàng gửi đi bán	-	-	61.407.446.094	-
Cộng	<u>1.784.819.853.659</u>	<u>(8.694.577.569)</u>	<u>1.256.216.327.392</u>	<u>(3.583.041.303)</u>

Hàng tồn kho có trị giá 124.153.522.938 VND (số đầu năm là 130.514.428.089 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	3.583.041.303	3.900.344.256
Trích lập dự phòng bổ sung	5.111.536.266	(317.302.953)
Số cuối kỳ	<u>8.694.577.569</u>	<u>3.583.041.303</u>

10. Chi phí trả trước

10a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	586.666.668	766.666.665
Công cụ, dụng cụ	3.285.482.663	368.617.518
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.561.077.390	6.491.738.227
Cộng	<u>11.433.226.721</u>	<u>7.627.022.410</u>

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	26.449.956.828	27.364.652.736
Chi phí sửa chữa	6.772.407.707	3.611.734.908
Công cụ, dụng cụ	398.619.239	68.068.369
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.792.262.349	4.197.024.679
Cộng	<u>38.413.246.123</u>	<u>35.241.480.692</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	183.113.520.169	364.060.353.390	53.633.441.054	7.992.563.599	38.794.769.102	647.594.647.314
Mua trong kỳ	-	17.382.373.980	3.738.751.132	902.460.800	2.118.000.000	24.141.585.912
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.000.236.046	-	450.505.702	-	-	1.450.741.748
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	46.120.878.534	-	-	-	46.120.878.534
Giảm do góp vốn vào công ty con	(71.468.035.329)	(121.704.615.145)	(21.285.655.974)	(3.195.491.272)	-	(217.653.797.720)
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.670.080.505)	(452.068.409)	-	-	(9.122.148.914)
Số cuối kỳ	112.645.720.886	297.188.910.254	36.084.973.505	5.699.533.127	40.912.769.102	492.531.906.874
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	86.026.012.824	222.209.575.946	14.923.106.476	4.362.026.873	4.451.423.364	331.972.145.483
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	138.437.497.162	322.484.876.351	37.116.637.817	7.404.635.902	25.065.742.058	530.509.389.290
Khấu hao trong kỳ	4.684.008.452	11.858.299.383	4.278.083.612	336.203.734	4.225.326.208	25.381.921.389
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	16.452.160.899	-	-	-	16.452.160.899
Giảm do góp vốn vào công ty con	(40.455.007.077)	(95.433.450.873)	(14.403.677.231)	(3.055.627.327)	-	(153.347.762.508)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.773.486.438)	(452.068.409)	-	-	(2.225.554.847)
Số cuối kỳ	102.666.498.537	253.588.399.322	26.538.975.789	4.685.212.309	29.291.068.266	416.770.154.223
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	44.676.023.007	41.575.477.039	16.516.803.237	587.927.697	13.729.027.044	117.085.258.024
Số cuối kỳ	9.979.222.349	43.600.510.932	9.545.997.716	1.014.320.818	11.621.700.836	75.761.752.651
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

12. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	102.574.607.046	20.149.310.332	82.425.296.714
Thuê tài chính trong kỳ	14.549.671.506	-	-
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(46.120.878.534)	(16.452.160.899)	-
Khấu hao trong kỳ	-	9.191.895.654	-
Số cuối kỳ	71.003.400.018	12.889.045.087	58.114.354.931

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	262.740.980.486	280.991.000	263.021.971.486
Mua trong kỳ	112.790.036.704	-	112.790.036.704
Giảm do nhà nước thu hồi	(171.558.033)		(171.558.033)
Số cuối kỳ	375.359.459.157	280.991.000	375.640.450.157
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	643.380.000	280.991.000	924.371.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	18.503.161.605	280.991.000	18.784.152.605
Khấu hao trong kỳ	4.617.252.532	-	4.617.252.532
Số cuối kỳ	23.120.414.137	280.991.000	23.401.405.137
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	244.237.818.881	-	244.237.818.881
Số cuối kỳ	352.239.045.020	-	352.239.045.020
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 101.395.819.859 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	1.732.841.900	195.963.398.341	(122.463.398.341)	(1.732.841.900)	73.500.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	158.219.287.697	61.968.421.558	(1.450.741.748)	(965.130.811)	217.771.836.696
<i>Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất</i>	<i>155.205.237.156</i>	<i>54.279.845.498</i>	<i>-</i>	<i>(11.020.000)</i>	<i>209.474.062.654</i>
<i>Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản</i>	<i>2.125.986.815</i>	<i>4.409.420.693</i>	<i>(901.205.837)</i>	<i>(583.710.170)</i>	<i>5.050.491.501</i>
<i>Nhà máy chế biến thức ăn</i>	<i>259.458.532</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(259.458.532)</i>	<i>-</i>
<i>Các hạng mục khác</i>	<i>628.605.194</i>	<i>3.279.155.367</i>	<i>(549.535.911)</i>	<i>(110.942.109)</i>	<i>3.247.282.541</i>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	415.423.851	2.397.091.166	-	(563.398.207)	2.249.116.810
Cộng	160.367.553.448	260.328.911.065	(123.914.140.089)	(3.261.370.918)	293.520.953.506

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	84.065.765.286	71.193.323.249
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	41.076.016.887	69.158.669.389
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	966.595.533	2.026.894.108
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	-	7.759.752
Công ty TNHH Đại Tây Dương	2.016.152.866	-
Công ty TNHH TM DV Navifeed	7.000.000	-
Ông Doãn Chí Thanh	40.000.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	100.450.232.233	172.291.954.445
Các nhà cung cấp trong nước	79.419.127.431	161.651.847.057
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	12.991.154.738	2.808.254.300
Các nhà cung cấp nước ngoài	8.039.950.064	7.831.853.088
Cộng	184.515.997.519	243.485.277.694

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của bên liên quan	-	11.056.568.772
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	-	11.056.568.772
Trả trước của các khách hàng khác	14.638.801.078	30.897.717.661
Các khách hàng trong nước	5.633.405.445	13.505.126.566
Các khách hàng nước ngoài	9.005.395.633	17.392.591.095
Cộng	14.638.801.078	41.954.286.433

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	177.150.391	(177.150.391)	-
Thuế nhập khẩu	-	27.119.438	(27.119.438)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.986.650.910	82.104.975.157	(11.066.069.362)	82.025.556.705
Thuế thu nhập cá nhân	2.630.828.546	10.371.702.296	(12.795.510.199)	207.020.643
Thuế tài nguyên	2.181.760	27.812.160	(28.003.520)	1.990.400
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	13.619.661.216	92.712.759.442	(24.097.852.910)	82.234.567.748

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu - Công ty tự nuôi bán tổ chức, cá nhân	Không chịu thuế
- Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán tổ chức	Không kê khai, tính thuế
- Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán cá nhân	5%
- Sản phẩm dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ hoạt động này.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	679.500.096.958	186.834.316.616
- Các khoản điều chỉnh tăng	78.606.665.773	98.630.550.087
- Các khoản điều chỉnh giảm	(75.773.113.425)	(80.531.612.164)
Thu nhập chịu thuế	682.333.649.306	204.933.254.539
Thu nhập được miễn thuế	(230.100.000.000)	(125.000.000.000)
Thu nhập tính thuế	452.233.649.306	79.933.254.539
Trong đó:		
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	38.472.190.803	-
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	56.701.558.530	-
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	357.059.899.973	79.933.254.539
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	83.764.432.855	15.986.650.910
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(732.372.546)	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước	(927.085.152)	680.715.538
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	82.104.975.157	16.667.366.448

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 4.000 VND/m³x8%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định

18. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	25.137.029.316	-
Doãn Tới - Chi phí lãi vay phải trả	25.137.029.316	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.126.825.945	6.194.175.811
Chi phí lãi vay	2.686.856.680	1.511.198.317
Chi phí cước tàu	1.141.900.000	1.701.818.000
Chi phí hoa hồng môi giới	3.376.799.815	2.856.159.494
Chi phí kiểm nghiệm	162.404.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	758.865.450	125.000.000
Cộng	33.263.855.261	6.194.175.811

20. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	93.146.993.000	156.786.578.947
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	71.805.000.000	139.566.578.947
Ông Doãn Chí Thanh - Cổ tức phải trả	17.160.000.000	17.160.000.000
Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả	4.159.999.000	60.000.000
Ông Đỗ Lập Nghiệp - Cổ tức phải trả	19.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Cổ tức phải trả	2.500.000	-
Bà Dương Thị Kim Loan - Cổ tức phải trả	50.000	-
Ông Dương Minh Phong - Cổ tức phải trả	444.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	48.012.564.832	11.732.841.972
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và Kinh phí công đoàn	4.610.354.113	3.270.932.937
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.608.430.000	1.241.530.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	35.977.053.898	2.100.981.099
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.816.432.821	5.119.397.936
Cộng	141.159.263.832	168.519.420.919

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	255.416.473.400	303.446.473.400
Vay Ông Doãn Tới ^(a)	246.716.473.400	303.446.473.400
Vay Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Nam Việt ^(b)	8.700.000.000	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân</i>	1.250.166.691.009	1.229.589.503.170
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.237.439.793.662	1.208.483.819.281
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(c)	455.041.023.227	245.088.754.879
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn và Hà Nội ^(d)	31.200.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(c)	201.745.582.976	125.110.555.090
Vay Ngân hàng United Overseas Bank	-	113.396.408.100
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ^(f)	120.582.896.092	88.518.988.200

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam ^(k)	264.454.305.053	456.627.479.650
Vay Ngân hàng TNHH MTV Worri Việt Nam ^(h)	57.003.100.000	68.295.000.000
Vay Ngân hàng TNHH CTBC ⁽ⁱ⁾	60.457.146.314	8.896.822.712
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	78.624.432.250
Vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam ^(j)	46.955.740.000	23.925.378.400
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.266.000.000	2.051.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	10.460.897.347	19.054.683.889
Cộng	<u>1.505.583.164.409</u>	<u>1.533.035.976.570</u>

- (a) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng.
- (b) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Nam Việt để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13) và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.9) của Công ty.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 08 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.9) và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.13).
- (f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (h) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH CTBC không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (j) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.1 và V.2).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.208.483.819.281	4.176.109.248.342	-	(4.134.931.264.681)	(12.222.009.280)	1.237.439.793.662
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.051.000.000	10.495.000.000	-	(1.580.000.000)	-	10.966.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	303.446.473.400	149.000.000.000	-	(205.730.000.000)	-	246.716.473.400
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	19.054.683.889	-	10.460.897.347	(19.054.683.889)	-	10.460.897.347
Cộng	1.533.035.976.570	4.335.604.248.342	10.460.897.347	(4.361.295.948.570)	(12.222.009.280)	1.505.583.164.409

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	2.410.000.000	3.040.000.000
Vay Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt ⁽ⁱ⁾	2.410.000.000	3.040.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	29.895.479.558	25.901.789.414
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	200.000.000	200.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	29.695.479.558	25.701.789.414
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	11.168.400.008	14.891.200.004
Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN HCM	5.078.188.111	6.725.168.047
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị	1.085.620.244	4.085.421.363
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	12.363.271.195	-
Cộng	32.305.479.558	28.941.789.414

(i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 36 tháng.

(ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn tổ chức khác	2.410.000.000	-	2.410.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	40.156.376.905	10.460.897.347	29.695.479.558	-
Cộng	42.766.376.905	10.460.897.347	32.105.479.558	200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số đầu năm				
Vay dài hạn tổ chức khác	3.040.000.000	-	3.040.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	44.756.473.303	19.054.683.889	25.564.541.111	137.248.303
Cộng	47.996.473.303	19.054.683.889	28.604.541.111	337.248.303

Chi tiết số phát sinh về nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn tổ chức khác	3.040.000.000	-	(630.000.000)	-	2.410.000.000
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	25.701.789.414	15.914.403.849	(1.459.816.358)	(10.460.897.347)	29.695.479.558
Cộng	28.941.789.414	15.914.403.849	(2.089.816.358)	(10.460.897.347)	32.305.479.558

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	182.605.818	(168.000.000)	14.605.818
Cộng	346.236.978	(168.000.000)	178.236.978

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Doãn Tới	718.050.000.000	718.050.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	171.600.000.000	171.600.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	41.599.990.000	121.599.990.000
Các cổ đông khác	340.028.760.000	260.028.760.000
Cộng	1.271.278.750.000	1.271.278.750.000

23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	127.539.625	127.539.625
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	127.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu phổ thông	127.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	127.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu phổ thông	127.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

24a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	790.887,44	82.853,33
Euro (EUR)	1.953,96	3.175,44
Dollar Úc (AUD)	715,12	5.601,44
Rub Nga (RUB)	962,47	-

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	9.429.462,13	182.038.120.299	9.429.462,13	182.038.120.299
Khách hàng trong nước		20.833.538.351		20.833.538.351
Cộng		202.871.658.650		202.871.658.650

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý IV-2022	Quý IV-2021
Doanh thu bán thành phẩm	1.165.027.477.262	1.263.739.790.886
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	2.229.392.396	2.098.478.028
Doanh thu thi công công trình xây lắp	33.937.309.172	-
Doanh thu khác	7.506.396.361	7.508.341.556
Cộng	1.208.700.575.191	1.273.346.610.470

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Doanh thu khác	53.340.000	27.007.140
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	2.397.044.153	2.160.627.750
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed		
Doanh thu bán thành phẩm	295.300.000	56.517.946.480
Doanh thu khác	-	545.377.500

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý IV-2022	Quý IV-2021
Hàng bán bị trả lại	14.229.015.623	102.518.000
Giảm giá hàng bán	2.534.579.529	1.321.572.819
Cộng	16.763.595.152	1.424.090.819

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý IV-2022</u>	<u>Quý IV-2021</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.005.913.298.994	1.106.213.594.849
Giá vốn của điện năng lượng mặt trời	843.429.100	628.564.841
Giá vốn thi công công trình xây lắp	27.335.700.064	-
Giá vốn khác	4.195.422.382	619.164.432
Dự phòng/ (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	2.296.396.193	(1.793.419.321)
Cộng	<u>1.040.584.246.733</u>	<u>1.105.667.904.801</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý IV-2022</u>	<u>Quý IV-2021</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	6.394.891.910	7.606.410.212
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.394.966	3.071.988
Cổ tức, lợi nhuận được chia	136.700.000.000	-
Lãi tiền cho vay	175.066.774	710.137
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	19.660.704.462	6.186.722.864
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.146.361.706	-
Lãi bán hàng trả chậm	493.509.282	27.057.657
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.119.595	91.082.598
Cộng	<u>170.583.048.695</u>	<u>13.915.055.456</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Quý IV-2022</u>	<u>Quý IV-2021</u>
Chi phí lãi vay	25.691.180.128	23.991.348.984
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	33.120.206.960	1.628.739.727
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.962.723.715
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư tài chính	986.003.873	16.601.737.559
Chi phí tài chính khác	-	155.864.977
Cộng	<u>59.797.390.961</u>	<u>44.340.414.962</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý IV-2022</u>	<u>Quý IV-2021</u>
Chi phí cho nhân viên	1.103.004.477	1.923.152.208
Chi phí vật liệu, bao bì	23.404.975	13.949.893
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	156.546.321	32.767.044
Chi phí hoa hồng	10.222.307.846	11.893.032.266
Chi phí vận chuyển	39.139.902.567	54.987.602.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.721.749.447	9.066.839.126
Các chi phí khác	751.161.138	249.683.524
Cộng	<u>62.118.076.771</u>	<u>78.167.026.280</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý IV-2022</u>	<u>Quý IV-2021</u>
Chi phí cho nhân viên	5.331.181.283	5.708.112.756
Chi phí vật liệu quản lý	270.621.498	548.583.090
Chi phí đồ dùng văn phòng	180.189.559	226.462.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.173.787.252	413.723.774
Thuế, phí và lệ phí	937.820.022	782.542.421
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	72.389.646	8.273.130.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.926.713.064	666.697.404
Các chi phí khác	1.864.206.544	1.656.633.356
Cộng	<u>11.756.908.868</u>	<u>18.275.886.088</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Quý IV-2022</u>	<u>Quý IV-2021</u>
Thu từ bồi thường	2.214.764.937	1.415.508.650
Xử lý kiểm kê thừa	8.462.502.835	-
Xử lý công nợ tồn lâu	819.925.632	309.876.055
Thu nhập khác	722.243.146	102.638.286
Cộng	<u>12.219.437.050</u>	<u>1.828.022.991</u>

9. Chi phí khác

	<u>Quý IV-2022</u>	<u>Quý IV-2021</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	79.097.868
Thuế bị phạt, bị truy thu	17.857.072	-
Xử lý công nợ tồn lâu	817.250	-
Chi phí khác	4.740.951	38.964.132
Cộng	<u>23.415.273</u>	<u>118.062.000</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành quản lý (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát và Ban kiểm toán nội bộ). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Ông Doãn Tới		
Công ty đi vay	149.000.000.000	370.627.250.000
Lãi vay	25.137.029.316	19.875.739.714
Công ty chia cổ tức	71.805.000.000	71.805.000.000
Ông Doãn Chí Thanh		
Lãi vay	-	959.649.338
Tạm ứng	-	500.000.000
Mua đất	110.000.000.000	-
Công ty chia cổ tức	17.160.000.000	17.160.000.000
Chi hộ	3.134.330	-
Ông Doãn Chí Thiên		
Công ty đi vay	-	40.500.000.000
Lãi vay	-	1.158.627.037
Tạm ứng	771.637.000	-
Công ty chia cổ tức	4.159.999.000	12.159.999.000
Ông Doãn Quốc Hội		
Cho vay	700.000.000	-
Lãi cho vay	8.189.041	-
Các thành viên chủ chốt khác		
Tạm ứng	820.601.516	510.000.000

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.15, V.19, V.20 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Nam Việt	Công ty con
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản Nam Việt	Công ty con
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	Công ty do con của Tổng Giám đốc thành lập

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Thu hộ	2.956.116.598	-
Thuê kho	13.027.081.649	2.499.640.000
Phí sử dụng hạ tầng	143.325.290	139.907.772
Tiền điện	11.499.191.160	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed		
Lãi bán hàng trả chậm	-	302.392.970
Mua dịch vụ khác	104.363.633	57.272.725
Thu hộ tiền điện	-	1.303.434

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty thế chấp Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Xã Bình Thạnh, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.13).

Công ty thế chấp tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo hợp đồng của Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (xem thuyết minh số V.2).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.15, V.16 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

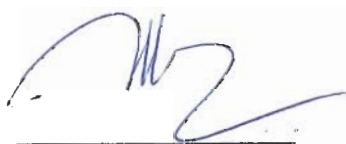
Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Quý IV-2022</u>	<u>Quý IV-2021</u>
Xuất khẩu	663.735.464.609	575.731.945.264
Trong nước	528.201.515.430	696.190.574.387
Cộng	<u>1.191.936.980.039</u>	<u>1.271.922.519.651</u>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.



Cao Thị Kim Thơ
Người lập biểu



Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	864.051.630.630	2.133.349.459.882
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	170.166.950.168	170.166.950.168
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(127.127.875.000)	(127.127.875.000)
Số dư cuối kỳ trước	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	907.090.705.798	2.176.388.535.050
Số dư đầu năm nay	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	907.090.705.798	2.176.388.535.050
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	597.395.121.801	597.395.121.801
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(127.127.875.000)	(127.127.875.000)
Số dư cuối kỳ này	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.377.357.952.599	2.646.655.781.851

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Cao Thị Kim Tho
 Người lập

Nguyễn Hà Thu Diễm
 Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh
 Phó Tổng Giám đốc

Số : 137 /CV-KTTC

Long Xuyên, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận
Công ty mẹ quý IV/2022 so với cùng kỳ năm trước"

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ như sau:

Lợi nhuận sau thuế quý IV/2022 lãi 189,2 tỷ đồng, tăng 159,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần quý IV/2022 đạt 1.192 tỷ đồng, giảm 6,3% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, sản lượng bán cá tra đông lạnh giảm, giá bán cá tra đông lạnh giảm dẫn đến lợi nhuận gộp quý IV/2022 đạt 151 tỷ đồng, giảm 9% so với cùng kỳ năm trước.
 - Doanh thu tài chính tăng 156,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước và chi phí tài chính tăng 15,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do công ty mẹ nhận được lợi nhuận từ công ty con chuyển về và ảnh hưởng của biến động tỷ giá ngoại tệ
- Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban TGD
- Lưu VT



Trần Minh Cảnh